

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 423 /BC-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Việc thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Kính gửi:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội;
- Các vị đại biểu Quốc hội.

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ... C ...
Ngày: ... 04/10/18

Triển khai Kế hoạch số 258/KH-UBTVQH14 ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ngày 15 tháng 7 năm 2018, Chính phủ đã gửi báo cáo số 280/BC-CP về việc thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội đã có Báo cáo thẩm tra số 1533/BC-UBVHGDTTN14 ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV thuộc lĩnh vực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội phụ trách.

Thực hiện Thông báo số 2231/TB-TTKQH ngày 25 tháng 9 năm 2018 về kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại phiên họp thứ 27 cho ý kiến về việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ đến hết kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XIV; tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, thừa ủy quyền của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cập nhật số liệu và tình hình thực hiện tính đến ngày 25 tháng 9 năm 2018, cụ thể như sau:

1. Tổ chức rà soát để thực hiện hiệu quả Luật Giáo dục

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành rà soát, phân tích những tác động tích cực và hạn chế của Luật Giáo dục năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009, tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật Giáo dục. Bộ đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội và nhân dân một cách nghiêm túc; tích cực, chủ động rà soát Luật Giáo dục hiện hành để sửa đổi toàn diện Luật Giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 64/2018/QH14 về kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XIV, theo đó Quốc hội nhất trí



TTĐT

mở rộng phạm vi sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục và đổi tên dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục thành dự án Luật Giáo dục (sửa đổi). Thực hiện Nghị quyết số 64/2018/QH14, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tích cực phối hợp với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Ủy ban Pháp luật, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn, rà soát các nội dung của Luật Giáo dục để sửa đổi một cách toàn diện. Việc xây dựng Luật Giáo dục (sửa đổi) được thực hiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội góp ý vào dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 5; đồng thời, tiếp tục rà soát, nghiên cứu, lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của Luật và điều chỉnh đối với những nội dung khác, làm sâu sắc thêm các báo cáo đánh giá tác động và tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật; phối hợp với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Ủy ban Pháp luật của Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp tổ chức các cuộc hội thảo để lấy ý kiến các cơ quan quản lý, các sở giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục phổ thông, chuyên gia, nhà khoa học về dự thảo Luật; báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội¹.

Dự án Luật Giáo dục (sửa đổi) được xây dựng trên các quan điểm và nguyên tắc: (i) Thể chế hóa các quan điểm và định hướng của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đã được nêu trong các Nghị quyết: Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; Nghị quyết số 29-NQ/TW khóa XI; Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XII; (ii) Cụ thể hóa Hiến pháp năm 2013 với những nội dung liên quan đến phát triển giáo dục và đào tạo; bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ của Luật Giáo dục với các văn bản pháp luật khác có liên quan để quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; (iii) Đảm bảo tính toàn diện, khả thi, thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn; khắc phục những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi Luật; tạo hành lang pháp lý thực hiện đổi mới giáo dục, đào tạo và huy động được các nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển giáo dục, thúc đẩy hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; (iv) Đảm bảo tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về giáo dục và đào tạo; đảm bảo Luật Giáo dục vừa là luật khung, làm nền tảng cho các luật chuyên ngành như giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp... vừa đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các cấp học khác như giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, nhà giáo và người học; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng Luật Giáo dục.

Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ý kiến thẩm tra của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ duyệt hồ sơ dự án Luật Giáo dục (sửa đổi) và ủy quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thay mặt Chính phủ trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV. Đồng thời, Bộ

¹ Chính phủ đã có Báo cáo số 371/BC-CP gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội để báo cáo về dự án Luật Giáo dục (sửa đổi).

Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của văn bản về dự án Luật Giáo dục (sửa đổi).

2. Hoàn thành việc xây dựng và triển khai hiệu quả các đề án, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết 29) về việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Chính phủ đã ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29² và chỉ đạo các bộ, ngành xây dựng, triển khai 18 đề án. Trong quá trình thực hiện, các Bộ đã trình Chính phủ điều chỉnh 01 đề án chuyển thành văn bản hướng dẫn; ghép 02 đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo thành 01 đề án; 01 đề án của Bộ Tài chính lồng ghép với 01 đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng thành Nghị quyết của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, trình Chính phủ trong năm 2018; 02 đề án do Bộ Nội vụ chủ trì được Chính phủ cho phép chuyển nội dung vào đề án hoặc nghị định khác của Chính phủ có nội dung liên quan; còn lại 14 đề án (Bộ Giáo dục và Đào tạo được giao chủ trì 10 đề án; các Bộ, ngành khác chủ trì 04 đề án). Đến nay, các Bộ đã ban hành 10 đề án, trình Thủ tướng Chính phủ 04 đề án (trong đó 03 đề án đang hoàn thiện lại)³.

Sau 5 năm triển khai Nghị quyết 29, Nghị quyết số 44/NQ-CP và kế hoạch hành động của ngành Giáo dục, được sự quan tâm, chăm lo của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, với sự nỗ lực của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp học từng bước được cải thiện, nâng cao.

Giáo dục mầm non được quan tâm, nâng cao chất lượng. Mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non đa dạng, đáp ứng phần lớn nhu cầu gửi trẻ và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Năm 2017, nước ta đã chính thức hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Mạng lưới trường, lớp mầm

² Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

³ Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2015 - 2020 do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì và được đổi tên thành Đề án đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và đã trình Thủ tướng Chính phủ năm 2017; hiện nay đang hoàn thiện Đề án sau khi có Nghị định quy định cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

03 đề án do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì:

(i) Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ từ ngày 15 tháng 7 năm 2016. Đề án chưa được ban hành do chưa có sự thống nhất của Bộ Tài chính về nguồn vốn ngân sách thường xuyên (chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo). Ngày 27 tháng 8 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ với 2 phương án cụ thể kèm ưu điểm và nhược điểm từng phương án để Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

(ii) Đề án rà soát, hoàn thiện mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, phổ thông và dạy nghề giai đoạn 2014 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030: Đề án này đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý ghép với Đề án quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và đào tạo giáo viên. Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ năm 2017. Do việc quy hoạch phải thực hiện theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Luật Quy hoạch nên việc xây dựng Đề án phải qua nhiều bước nên chưa trình được Thủ tướng Chính phủ.

(iii) Đề án huy động nguồn lực của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo và dạy nghề giai đoạn 2015 - 2020. Chính phủ đã thống nhất chuyển việc phê duyệt đề án thành ban hành Nghị quyết của Chính phủ. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị quyết ngày 28 tháng 9 năm 2018.

non phát triển, tỷ lệ trường, lớp ngoài công lập tăng nhanh; tỷ lệ huy động trẻ ra lớp vượt chỉ tiêu ở tất cả các độ tuổi (Năm học 2017-2018, toàn quốc có 15.256 cơ sở giáo dục mầm non với gần 195.762 nhóm/lớp; số cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tăng, có 2.594 cơ sở; tỷ lệ huy động tăng, trẻ nhà trẻ đạt 28,52%; trẻ mẫu giáo đạt 91,96%, trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt tỷ lệ 99,9%). Môi trường giáo dục ở các cơ sở giáo dục mầm non được cải thiện theo hướng tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm và sáng tạo, phù hợp với lứa tuổi. Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non nhằm thúc đẩy việc đưa trẻ đến trường, đặc biệt là trẻ em ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo⁴. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát, điều chỉnh chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi, chương trình giáo dục mầm non để phù hợp với mục tiêu phát triển toàn diện trẻ em mầm non, với tâm sinh lý trẻ và điều kiện trường, lớp, giáo viên; biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho vùng miền núi, khó khăn, vùng có đông trẻ dân tộc thiểu số, nhóm, lớp độc lập tự thực. Nhiều chuyên đề đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đã được triển khai ở các cơ sở giáo dục mầm non tạo nên những chuyển biến tích cực trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

Chất lượng giáo dục phổ thông tiếp tục được nâng lên. Đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện tốt việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; đổi mới đánh giá học sinh theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học; tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng tinh giản; rà soát giảm các cuộc thi, hội thi để giảm áp lực đối với giáo viên, học sinh; giao quyền chủ động và hướng dẫn nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và thực hiện chương trình giáo dục một cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương và nhà trường. Chất lượng học sinh lứa tuổi 15 của nước ta vượt mức trung bình của học sinh các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Các đoàn học sinh Việt Nam tham dự Olympic quốc tế và khu vực, thi khoa học kỹ thuật quốc tế đạt kết quả cao nhất từ trước đến nay⁵.

Chất lượng giáo dục đại học được cải thiện, từng bước đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục được tăng cường. Việt Nam đã có 05 cơ sở giáo dục đại học được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá của Hội đồng Cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN; 107 chương trình đào tạo được công nhận bởi các tổ chức kiểm định quốc tế. Thứ hạng của các trường đại học Việt Nam có sự cải thiện rõ rệt trong những năm vừa qua.

⁴ Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ.

⁵ Năm 2016, có 36/37 học sinh đoạt giải, trong đó có 9 HCV, 14 HCB, 11 HCD và 02 bằng khen. Năm 2017, có 34/37 học sinh đoạt giải, trong đó có 14 HCV, 13 HCB, 4 HCD và 03 bằng khen. Năm 2018, cả 34 học sinh dự thi đều đoạt giải, trong đó có 12 HCV, 13 HCB, 9 HCD.

Đã có 05 trường đại học thuộc nhóm 400 trường uy tín nhất của khu vực và Châu Á; 02 đại học nằm trong nhóm 1000 trường tốt nhất thế giới (toàn thế giới có hơn 21000 trường đại học).

Kết quả đổi mới giáo dục của Việt Nam được các nước, tổ chức quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Ngày 15 tháng 3 năm 2018, Ngân hàng Thế giới đã ra Thông cáo báo chí, theo đó khẳng định, 7 trong số 10 hệ thống giáo dục hàng đầu của thế giới nằm ở khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, trong đó sự phát triển thực sự ấn tượng là ở hệ thống giáo dục của Trung Quốc và Việt Nam (hai quốc gia tiên phong trong đổi mới giáo dục). Đây là một thành tựu lớn của khu vực và có thể trở thành những bài học kinh nghiệm quan trọng cho các quốc gia khác trên thế giới⁶.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương hoàn thiện báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết 29, trình Bộ Chính trị.

3. Đổi mới công tác tổ chức thi và tuyển sinh theo lộ trình, đồng bộ với quá trình đổi mới dạy và học, tránh tạo áp lực cho học sinh và phụ huynh học sinh

Trước năm 2015, mỗi năm phải tổ chức nhiều kỳ thi, nhiều đợt thi (trong gần 01 tháng thí sinh phải dự thi 01 kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông và 03 đợt thi tuyển sinh đại học, cao đẳng). Học sinh các tỉnh xa phải lên Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn để dự thi gây áp lực, tốn kém thời gian, công sức, tiền bạc của thí sinh, phụ huynh và toàn xã hội. Ngoài ra, các tiêu cực trong thi cử ở Đồi Ngô, Phú Xuyên trước đó khiến dư luận rất bức xúc.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng phương án đổi mới thi và tuyển sinh với mục tiêu khắc phục các bất cập nêu trên, đảm bảo trung thực, khách quan, giảm áp lực, giảm chi phí đối với thí sinh, gia đình, xã hội. Khi xây dựng phương án thi, cũng có nhiều tranh luận, góp ý. Phương án tổ chức một kỳ thi quốc gia vừa đảm bảo mục đích xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông, vừa làm căn cứ để tuyển sinh đại học, cao đẳng đã kế thừa được những ưu điểm và kết quả đạt được, khắc phục những bất cập của các kỳ thi trước đó, đảm bảo tính liên tục của lộ trình đổi mới thi, không gây xáo trộn cho giáo viên và học sinh, phù hợp với Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học và phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới.

Trong các năm 2015, 2016, 2017, Kỳ thi được tổ chức và rút kinh nghiệm qua từng năm nên ngày càng hoàn thiện. Từ năm 2017, Kỳ thi được tổ chức ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do sở giáo dục và đào tạo địa phương chủ trì, các trường đại học, cao đẳng phối hợp, hỗ trợ tổ chức thi; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tổ chức thi và xét tuyển đại học, cao đẳng. Đặc biệt, áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan với hầu hết các bài thi (trừ môn Ngữ văn); đảm bảo mỗi thí sinh trong cùng một phòng thi có một mã đề thi riêng; kết quả làm bài của thí sinh được chấm bằng máy

⁶ <https://www.worldbank.org/vi/news/press-release/2018/03/15/seven-out-of-10-top-school-systems-are-in-east-asia-pacific-but-more-needs-to-be-done-world-bank-says>.

quét với phần mềm máy tính.

Khi đưa ra phương án thi trắc nghiệm (trừ môn Ngữ văn) cũng có những ý kiến khác nhau nhưng cuối cùng đã đi đến thống nhất: vì đây là kỳ thi đánh giá trên phạm vi rộng, có đông thí sinh tham gia và yêu cầu cao nhất là đảm bảo tính khách quan, trung thực, hạn chế học lệnh, học tủ, quay cóp, gian lận trong thi cử nên thi trắc nghiệm là phù hợp.

Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia những năm qua được Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục đại học chuẩn bị và tổ chức cơ bản đáp ứng yêu cầu, giúp giảm áp lực, giảm tốn kém cho người dân và xã hội, tạo thuận lợi tối đa cho thí sinh.

Phát huy kết quả đã đạt được qua 3 năm đổi mới thi và tuyển sinh, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý giữ ổn định phương án tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển sinh vào đại học, cao đẳng năm 2017 cho năm 2018 và các năm tiếp theo, với những điều chỉnh kỹ thuật trên cơ sở rút kinh nghiệm tổ chức thi và tuyển sinh từng năm, đến khi áp dụng đầy đủ chương trình giáo dục phổ thông mới. Qua 4 năm thực hiện, Kỳ thi đã đáp ứng yêu cầu gọn nhẹ, thiết thực, khách quan, tiết kiệm, giảm áp lực cho thí sinh, gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018 còn để xảy ra tình trạng tiêu cực, gian lận có tổ chức tại một số Hội đồng thi (đặc biệt là các tỉnh Hà Giang, Sơn La, Hòa Bình), gây tâm lý lo ngại trong học sinh, giáo viên và dư luận xã hội. Những sai phạm này xuất phát từ chủ đích của một số cá nhân cố tình làm sai, vô hiệu hóa quy trình chấm thi đã được quy định rất cụ thể, chi tiết trong quy chế.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cấp có thẩm quyền, đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an để điều tra, xử lý vụ việc trên tinh thần nghiêm túc, kiên quyết, kịp thời, xử lý nghiêm minh các cá nhân vi phạm theo đúng quy chế thi và các quy định pháp luật hiện hành; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể liên quan trong việc để xảy ra sai phạm. Theo đó:

Về trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề thi chưa thật sự phù hợp với Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, trong đề thi có những câu hỏi có độ khó cao, nhằm mục đích phân hóa kết quả thi của thí sinh nhưng đã làm cho đề thi khó hơn đề thi các năm trước, nhất là khó so với yêu cầu của thi để xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông. Bên cạnh đó, phần mềm chấm thi trắc nghiệm tuy đã được Bộ hoàn thiện một bước, cơ bản đáp ứng yêu cầu chấm thi nhưng vẫn còn có những kẽ hở trong bảo mật có thể dẫn đến bị lợi dụng để làm sai lệch kết quả thi, nhất là khi người dùng thực hiện gian lận có tổ chức và có chủ đích từ trước. Công tác chỉ đạo, quản lý tổ chức thi và vai trò giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở một số khâu tổ chức thi tại địa phương chưa thật sự sâu sát, hiệu quả chưa cao.

Về trách nhiệm của các địa phương: Ban Chỉ đạo thi cấp tỉnh một số địa phương chưa thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, tổ chức thi ở địa phương; công tác

quán triệt quy chế, tập huấn nghiệp vụ, thanh tra kiểm tra ở một số Hội đồng thi chưa nghiêm dẫn tới để một số cán bộ làm công tác chấm thi vi phạm quy chế, làm sai lệch kết quả thi của một số thí sinh.

Thực hiện Nghị quyết số 104/NQ-CP phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức sơ kết, đánh giá việc tổ chức Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển sinh vào đại học, cao đẳng năm 2018. Trên cơ sở đó, đề ra chủ trương giữ ổn định phương án tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và xét tuyển sinh vào đại học, cao đẳng trong năm 2019 và các năm tiếp theo cho đến khi áp dụng đầy đủ chương trình giáo dục phổ thông mới với những điều chỉnh kỹ thuật từ việc nghiêm túc rút kinh nghiệm công tổ chức thi và tuyển sinh năm 2018, nhất là khâu chấm thi.

Trước mắt, để tổ chức tốt Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo toàn ngành triển khai thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

- Tập trung rà soát, đánh giá nghiêm túc, xử lý kịp thời những tiêu cực và hạn chế bất cập xảy ra trong Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018 để rút kinh nghiệm trong quản lý, chỉ đạo tổ chức thi trong năm 2019 và các năm tiếp theo;

- Rà soát, hoàn thiện quy trình kỹ thuật bảo đảm giám sát chặt chẽ, khách quan, minh bạch đối với tất cả các khâu của Kỳ thi; sửa đổi, bổ sung Quy chế thi, quy định rõ trách nhiệm của các địa phương, các trường đại học, của các cán bộ làm công tác coi thi, chấm thi và chế tài xử lý đối với các đối tượng tham gia Kỳ thi;

- Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện, nâng cao chất lượng ngân hàng câu hỏi thi làm cơ sở để xây dựng đề thi đáp ứng tốt hơn mục đích, yêu cầu của Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia. Khắc phục việc nội dung đề thi có một số câu quá khó, đảm bảo đề thi phù hợp hơn với tính chất của Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia và thời gian làm bài của thí sinh;

- Tăng cường công tác phối hợp, nhất là vai trò giám sát của các trường đại học, cao đẳng trong tổ chức thi: tăng cường huy động các trường đại học, cao đẳng có năng lực và điều kiện, uy tín tham gia phối hợp tổ chức thi; đồng thời, thực hiện nguyên tắc các trường đại học, cao đẳng không tham gia phối hợp tổ chức thi tại địa phương nơi trường đặt trụ sở;

- Hoàn thiện phân hệ quản lý phách độc lập trong phần mềm quản lý thi để tăng cường tính bảo mật trong chấm thi tự luận; hoàn thiện phần mềm chấm trắc nghiệm để vừa đảm bảo chấm thi thuận lợi, vừa ngăn ngừa nguy cơ gian lận và hỗ trợ phát hiện sai phạm trong chấm thi;

- Cải tiến phương thức tổ chức chấm thi để tăng cường tính chính xác, khách quan của kết quả thi; theo đó, sẽ tổ chức chấm theo cụm hoặc chấm chéo bài thi giữa các tỉnh, bảo đảm nguyên tắc cán bộ chấm thi không chấm bài thi của thí sinh tỉnh mình;

- Nâng cao chất lượng tập huấn nghiệp vụ tổ chức thi cho các đối tượng

tham gia Kỳ thi; tăng cường ứng dụng các thiết bị kỹ thuật vào tổ chức thi, bố trí các phương tiện kỹ thuật cao (như camera) giám sát quá trình chấm thi;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo hướng thực chất và hiệu quả hơn.

4. Tổ chức định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh phổ thông phù hợp với cơ cấu phát triển nguồn nhân lực quốc gia, điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu nhân lực của từng địa phương, từng vùng và của cả nước

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo thực hiện nghiêm túc nhưng linh hoạt, sáng tạo chương trình giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông; giao cho các nhà trường căn cứ chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, lựa chọn các chủ đề, rà soát nội dung các bài học trong sách giáo khoa hiện hành tương ứng với chủ đề đó để sắp xếp lại thành một số bài học tích hợp của từng môn học hoặc liên môn; bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp thay cho những thông tin cũ, lạc hậu để gắn nội dung dạy học trong chương trình với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại địa phương và của đất nước; từ đó, xây dựng kế hoạch giáo dục cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Các nhà trường đã ngày càng chủ động hơn trong việc phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ để đưa các nội dung giáo dục hướng nghiệp lồng ghép với hoạt động tư vấn tuyển sinh. Nhiều địa phương đã thiết kế nội dung giáo dục hướng nghiệp (9 tiết/năm học) thành các chủ đề thiết thực để tổ chức cho học sinh trải nghiệm tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, làng nghề truyền thống tại địa phương. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông chuyển sang học nghề có xu hướng tăng⁷. Những kết quả đạt được trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên đã bước đầu tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của xã hội về phân luồng, lựa chọn nghề nghiệp của học sinh, về lâu dài sẽ tạo ra sự thay đổi cơ cấu nguồn nhân lực của đất nước theo hướng cân đối hơn giữa các nhóm nghề nghiệp. Tuy nhiên, công tác giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông còn chậm đổi mới về nội dung, phương pháp và hình thức; việc phân luồng học sinh sau trung học cơ sở còn thấp⁸.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 phê duyệt Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn

⁷ Năm 2017: Số lượng thí sinh đến nhập học thực tế là 366.250 học sinh được tuyển vào đại học, chiếm 42% trong tổng số 865.975 thí sinh đăng ký dự thi. Như vậy, còn khoảng 500 ngàn học sinh, chiếm khoảng 58% tổng số học sinh không được tuyển vào đại học, tham gia giáo dục nghề nghiệp và các hình thức lập nghiệp khác. Năm 2018: Có khoảng 336 ngàn học sinh được tuyển vào các ngành của giáo dục đại học và cao đẳng, trung cấp sư phạm, chiếm khoảng 36% tổng số khoảng 926 ngàn học sinh đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia. Như vậy, còn khoảng 590 ngàn học sinh, chiếm khoảng 64% tổng số học sinh không được tuyển vào đại học, tham gia giáo dục nghề nghiệp và các hình thức lập nghiệp khác.

⁸ Kết quả khảo sát tình hình phân luồng học sinh sau trung học cơ sở: học lên trung học phổ thông 79,6%; học hệ giáo dục thường xuyên 5,6%; học các trường nghề 7,8%; đi làm 4,6%.

2018 - 2025 để tạo bước đột phá về chất lượng giáo dục hướng nghiệp, góp phần chuyển biến mạnh mẽ công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, trên cơ sở phân tích thực trạng và nguyên nhân thành công, hạn chế của giáo dục hướng nghiệp và phân luồng trong các chương trình đã có⁹, nội dung giáo dục hướng nghiệp được xác định như sau:

- Chương trình bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các lớp học, cấp học với nhau và liên thông với chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục nghề nghiệp và chương trình giáo dục đại học. Giáo dục phổ thông 12 năm, gồm hai giai đoạn giáo dục: giai đoạn giáo dục cơ bản (gồm cấp tiểu học 5 năm và cấp trung học cơ sở 4 năm) và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp (cấp trung học phổ thông 3 năm): Giáo dục cơ bản bảo đảm trang bị cho học sinh tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở. Giáo dục định hướng nghề nghiệp bảo đảm học sinh tiếp cận nghề nghiệp, chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng.

- Nội dung giáo dục hướng nghiệp đặc biệt được chú trọng, lồng ghép trong từng môn học và hoạt động giáo dục thông qua việc lựa chọn nội dung giáo dục gắn với thực tiễn. Đối với các môn Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên, chương trình sẽ được triển khai theo định hướng giáo dục STEM, theo đó học sinh sẽ được trang bị kiến thức gắn liền với ứng dụng công nghệ, giúp học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm thực tiễn trong quá trình học tập.

Thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp với cơ sở giáo dục trung học thực hiện việc tư vấn nghề; thực hiện thí điểm mô hình kết hợp dạy văn hóa phổ thông và dạy nghề.

Triển khai các giải pháp của Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng trong giáo dục phổ thông theo Quyết định số 522/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung vào việc đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục hướng nghiệp trong trường phổ thông; phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp trong các trường trung học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học gắn với giáo dục hướng nghiệp trong giáo dục phổ thông; bổ sung, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nước tham gia giáo dục hướng

⁹ Ngày 19 tháng 3 năm 1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 126-CP về công tác hướng nghiệp trong trường phổ thông và việc sử dụng hợp lý học sinh các cấp phổ thông cơ sở và phổ thông trung học ra trường. Thực hiện Quyết định của Hội đồng Chính phủ, chương trình giáo dục phổ thông trước năm 2000 và chương trình hiện hành triển khai giáo dục hướng nghiệp thông qua 4 hình thức sau: (i) Hoạt động hướng nghiệp (còn gọi là Sinh hoạt hướng nghiệp); (ii) Học nghề phổ thông và tham gia các hoạt động sản xuất; (iii) Hướng nghiệp trong các môn văn hoá; (iv) Hoạt động tham quan, ngoại khoá.

nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tăng cường quản lý đối với giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng học sinh phổ thông.

5. Giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên, góp phần xây dựng xã hội học tập

Thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã, đang triển khai và phối hợp với Hội Khuyến học Việt Nam thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập, cụ thể là:

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để mọi người có thể học tập suốt đời, trong đó triển khai khung trình độ quốc gia và khung hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt và liên thông giữa giáo dục chính quy và giáo dục không chính quy (giáo dục thường xuyên). Đánh giá công nhận kết quả học tập trước đây của người học, cấp văn bằng chứng chỉ khi người học tích lũy đủ tín chỉ theo quy định.

- Củng cố, phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên và các thiết chế giáo dục ngoài nhà trường; nâng cao năng lực hoạt động của các trung tâm giáo dục thường xuyên cấp huyện theo hướng thực hiện nhiều nhiệm vụ: giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp và dạy nghề. Củng cố mô hình hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng theo hướng kết hợp với nhà văn hoá, thư viện, bưu điện văn hoá xã. Các lớp học của trung tâm học tập cộng đồng được tổ chức linh hoạt, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi người cùng tham gia (tổ chức tại các thôn, bản, tại nhà dân...). Xây dựng các trung tâm/cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp làm nhiệm vụ bồi dưỡng, đào tạo lại theo hệ thống học tập suốt đời.

- Đổi mới quản lý giáo dục thường xuyên và xây dựng xã hội học tập. Các cơ quan quản lý, các cơ sở giáo dục đóng vai trò là người tổ chức phát động phong trào học tập thường xuyên, học tập suốt đời; có các biện pháp khuyến khích người dân học tập nhằm thúc đẩy phong trào học tập suốt đời. Tăng cường phân cấp quản lý giáo dục thường xuyên theo hướng tăng cường quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Đổi mới chương trình giáo dục thường xuyên theo hướng đa dạng, linh hoạt, mềm dẻo đáp ứng nhu cầu của người học.

- Huy động các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia xây dựng xã hội học tập

Hệ thống các cơ sở giáo dục thường xuyên được các địa phương quan tâm phát triển, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng, học suốt đời của mọi đối tượng là

học sinh, sinh viên, cán bộ công chức, đội ngũ giáo viên, người lao động và mọi người dân trong cộng đồng¹⁰.

Thời gian tới, để giáo dục thường xuyên phát triển đúng với sứ mệnh của mình, huy động toàn xã hội tham gia học tập, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, xây dựng xã hội học tập; hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để mọi người có thể học tập suốt đời; chỉ đạo cơ sở giáo dục thường xuyên tham mưu, huy động sự vào cuộc của toàn bộ hệ thống chính trị triển khai nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục thường xuyên; hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức quốc tế và các nước có nhiều kinh nghiệm về học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đẩy mạnh phong trào và tổ chức đánh giá, công nhận “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập”, “Thành phố học tập”; triển khai xây dựng các mô hình học tập gắn kết với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Căn cứ thực tế phát triển ngành học giáo dục thường xuyên hiện nay, nhu cầu người học, các mục tiêu xây dựng xã hội học tập, thực trạng phát triển giáo dục thường xuyên của một số nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu, phân tích, đánh giá, đề xuất nội dung sửa đổi Luật Giáo dục, trong đó có chính sách phát triển giáo dục thường xuyên, thúc đẩy việc học tập của người lớn. Theo đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát làm rõ vị trí, vai trò của giáo dục thường xuyên; bổ sung một điều quy định về mục tiêu giáo dục thường xuyên nhằm tạo điều kiện cho mọi người vừa làm vừa học, học liên tục, học suốt đời nhằm hoàn thiện nhân cách, mở rộng hiểu biết, nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ để cải thiện chất lượng cuộc sống, tìm việc làm, tự tạo việc làm và thích nghi với đời sống xã hội; bổ sung một điều về chính sách phát triển giáo dục thường xuyên. Theo đó, Nhà nước có chính sách đầu tư phát triển giáo dục thường xuyên, thực hiện giáo dục cho mọi người, thúc đẩy việc học tập của người lớn, xây dựng xã hội học tập; khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia, cung ứng các dịch vụ giáo dục thường xuyên có chất lượng, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người. Các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thường xuyên học tập, học tập suốt đời để phát triển bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm cung cấp nguồn học liệu đến các cơ sở giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập của mọi người; các cơ sở đào tạo giáo viên có trách nhiệm nghiên cứu về khoa học giáo dục người lớn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo

¹⁰ Hiện nay, mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên bao gồm: 695 trung tâm giáo dục thường xuyên (74 trung tâm cấp tỉnh, 621 trung tâm cấp huyện (32 trung tâm giáo dục thường xuyên và 589 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên); 11.019 trung tâm học tập cộng đồng, 2.854 trung tâm ngoại ngữ tin học do các sở giáo dục và đào tạo quản lý. Từ năm 2013 đến nay, toàn quốc đã có hơn 100 triệu lượt người tham gia học tập các chuyên đề tại các trung tâm học tập cộng đồng; gần 5 triệu người học ngoại ngữ và hơn 1 triệu người học bồi dưỡng tin học ứng dụng; hơn 2 triệu người tham gia học nghề ngắn hạn; hơn 235.000 người theo học lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ.

của các cơ sở giáo dục thường xuyên.

6. Thực hiện việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân, đồng thời gửi xin ý kiến các sở giáo dục và đào tạo, các trường đại học, trường cao đẳng sư phạm, các cơ quan, tổ chức và cá nhân¹¹. Ban Phát triển chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã giải trình và nghiêm túc tiếp thu đầy đủ các ý kiến đóng góp để chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, trình Ban Chỉ đạo đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Căn cứ dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng dự thảo các chương trình môn học, hoạt động giáo dục (gọi chung là môn học) trong chương trình giáo dục phổ thông mới và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân.

Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ, nghiêm túc ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân và kết quả thực nghiệm các chương trình môn học, các tác giả đã chỉnh sửa dự thảo chương trình môn học để thẩm định. Hội đồng quốc gia thẩm định chương trình giáo dục phổ thông đã tiến hành thẩm định theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay việc xây dựng chương trình mới đã hoàn thành và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục theo quy định để ban hành Thông tư Chương trình giáo dục phổ thông trong tháng 10 năm 2018.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục¹²; ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông¹³; xây dựng dự thảo quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm thông qua bộ chỉ số đánh giá năng lực đào tạo của các trường sư phạm do Chương trình ETEP đang hoàn thiện. Các sở giáo dục và đào tạo tiến hành rà soát thực trạng thừa, thiếu và tính toán nhu cầu đào tạo giáo viên các cấp học làm căn cứ để các trường sư phạm xây dựng chương trình đào tạo liên thông, đào tạo văn bằng 2, đồng thời địa phương xây dựng phương án khắc phục thừa, thiếu giáo viên đáp ứng yêu cầu thực tế. Các trường sư phạm trọng điểm, chủ chốt¹⁴ phối hợp với các trường sư phạm khác và Chương trình ETEP tiến hành

¹¹ Lần 1 (từ ngày 05 tháng 8 năm 2015 đến ngày 21 tháng 9 năm 2015) và lần 2 (từ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đến ngày 29 tháng 4 năm 2017).

¹² Kế hoạch số 270/KH-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; Kế hoạch số 791/KH-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2018 về chi tiết các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

¹³ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.

¹⁴ Trường Đại học sư phạm Hà Nội; Trường Đại học sư phạm Hà Nội 2; Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Trường Đại học sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

ngiên cứu đổi mới chương trình, nội dung đào tạo để xây dựng mới chương trình đào tạo thống nhất trong cả nước.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng, trình Chính phủ Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và chương trình giáo dục phổ thông, trong đó mục tiêu, lộ trình và kinh phí thực hiện Đề án được xây dựng đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 88, Nghị quyết 51; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các địa phương đề xuất danh mục và thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định để giao vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học giai đoạn 2017 - 2020; tổ chức rà soát quy định hiện hành về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu và tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường phổ thông. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành văn bản hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có và đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thiện quy hoạch mạng lưới trường, lớp học; ưu tiên ngân sách địa phương, tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cơ sở vật chất cho cơ sở giáo dục phổ thông.

Chương trình giáo dục phổ thông mới được tiến hành theo quy trình chặt chẽ, gồm nhiều bước¹⁵. Thời gian thực tế dành cho toàn bộ các công việc này tính từ khi ban hành Nghị quyết 88 (tháng 11 năm 2014) đến khi ban hành chương trình mới (tháng 10 năm 2018) chỉ gần 4 năm, ít hơn nhiều so với thời gian xây dựng, ban hành chương trình giáo dục phổ thông hiện hành¹⁶.

Quá trình dự thảo chương trình giáo dục phổ thông mới và lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân nảy sinh những quan điểm khác nhau, thậm chí trái chiều nên cần thêm thời gian để lắng nghe, chất lọc, tiếp thu, đồng thời giải thích, tuyên truyền tạo sự đồng thuận của xã hội. Chương trình giáo dục phổ thông mới chưa được chính thức ban hành nên chưa có đủ căn cứ để các địa phương xây dựng kế hoạch và tiến hành đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và điều chỉnh, sắp xếp, tăng cường cơ sở vật chất trường phổ thông đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới, đặc biệt là yêu cầu dạy học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; dạy học tích hợp (ở trung học cơ sở) và tổ chức dạy học phân hoá, định hướng nghề nghiệp (ở trung học phổ thông); đào tạo giáo viên những môn học mới chưa có trong

Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế; Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Cần Thơ; Trường Đại học Quy Nhơn.

¹⁵ Xây dựng dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; công bố dự thảo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến nhân dân trong thời gian ít nhất 60 ngày¹⁵; thẩm định và thông qua chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; xây dựng dự thảo các chương trình môn học và hoạt động giáo dục; công bố dự thảo các chương trình môn học và hoạt động giáo dục trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xin ý kiến nhân dân trong thời gian ít nhất 60 ngày; thẩm định các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, thẩm định lần 2 chương trình giáo dục phổ thông tổng thể và ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới.

¹⁶ Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành (gồm các chương trình môn học và hoạt động giáo dục, không có chương trình giáo dục phổ thông tổng thể) được bắt đầu xây dựng từ năm 1996, đến năm 2002 mới triển khai ở hai cấp tiểu học, trung học cơ sở và năm 2005 mới triển khai ở cấp trung học phổ thông; tổng cộng thời gian từ khi dự thảo đến khi ban hành chính thức hơn 9 năm.

chương trình hiện hành. Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và phổ thông đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tuy nhiên việc cân đối các nguồn vốn thực hiện gặp khó khăn¹⁷, đến nay, Đề án vẫn chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên chưa triển khai thực hiện được.

Sau khi ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ đạo việc tổ chức biên soạn một bộ sách giáo khoa đủ các môn học ở các lớp học bảo đảm công khai, minh bạch, đáp ứng các tiêu chuẩn sách giáo khoa quy định; tổ chức thẩm định sách giáo khoa (gồm bộ sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo việc tổ chức biên soạn và các sách giáo khoa khác do tổ chức, cá nhân biên soạn) theo quy định; phê duyệt, cho phép sử dụng sách giáo khoa dựa trên kết quả thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành các văn bản hướng dẫn cơ sở giáo dục phổ thông lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa để dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới; hướng dẫn biên soạn tài liệu giáo dục của địa phương. Xây dựng và triển khai hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên qua mạng trên phạm vi cả nước bảo đảm đồng bộ, đồng tốc với lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới; xây dựng, ban hành quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm; thực hiện giao chỉ tiêu đào tạo giáo viên cho các trường sư phạm đảm bảo yêu cầu về số lượng, cơ cấu, chất lượng; đẩy mạnh kiểm định chất lượng đối với các trường sư phạm.

Hướng dẫn các địa phương triển khai Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức rà soát, điều chỉnh các chuẩn, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trường lớp học phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới và điều kiện của địa phương; ban hành danh mục thiết bị giáo dục tối thiểu theo chương trình giáo dục phổ thông mới; hướng dẫn các địa phương mua sắm bàn ghế phù hợp với lứa tuổi học sinh và chương trình, sách giáo khoa mới. Các địa phương mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới, không mua sắm dồn dập cùng một thời điểm; tận dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có.

Xây dựng và thực hiện lộ trình áp dụng chương trình, sách giáo khoa mới quy định tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội¹⁸, trong đó coi trọng chất lượng chương trình, sách giáo khoa mới và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện nhằm đảm bảo sự thành công khi triển khai áp dụng.

¹⁷Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2017 - 2020 chỉ đáp ứng được một phần việc thực hiện kiên cố hóa phòng học (chỉ hỗ trợ các địa bàn đặc biệt khó khăn), không cân đối được nguồn vốn ngân sách trung ương cho sự nghiệp giáo dục để hỗ trợ các địa phương thực hiện mục tiêu mua sắm bổ sung đáp ứng nhu cầu thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới.

¹⁸ Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 của Quốc hội quy định: “Thời gian bắt đầu triển khai áp dụng chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới, bảo đảm tuân tữ trong từng cấp học, chậm nhất từ năm học 2020-2021 đối với lớp đầu cấp của cấp tiểu học, từ năm học 2021-2022 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học cơ sở và từ năm học 2022-2023 đối với lớp đầu cấp của cấp trung học phổ thông”.

Trong thời gian chưa thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới trên phạm vi toàn quốc, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý quá trình giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, giảm tải, từ đó tạo thuận lợi cho học sinh và giáo viên khi chuyển sang thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

7. Đánh giá toàn diện, có giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổng kết, đánh giá toàn diện tình hình thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2016. Để khắc phục những tồn tại, hạn chế và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn đầu triển khai Đề án (2008-2016), Bộ Giáo dục và Đào tạo đã trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Đề án trong giai đoạn tiếp theo. Ngày 22 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2080/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau: Ban hành và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và phù hợp với đặc thù của Việt Nam; đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực khảo thí ngoại ngữ của quốc gia; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh công tác truyền thông, hợp tác quốc tế, xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ; nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án.

Thực hiện Quyết định số 2080/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các địa phương, Bộ, cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai Đề án cho giai đoạn 2017-2025. Căn cứ kế hoạch triển khai của các đơn vị, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2658/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2018 về kế hoạch triển khai Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025. Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiếp tục triển khai và hoàn thiện chương trình các môn Ngoại ngữ trong Chương trình giáo dục phổ thông mới¹⁹. Việc tổ chức đào tạo, bồi

¹⁹ Chương trình làm quen tiếng Anh lớp 1, 2 cấp Tiểu học; Chương trình tiếng Anh 10 năm (từ lớp 3 - lớp 12 các cấp phổ thông); Chương trình Ngoại ngữ 2 (tiếng Đức, tiếng Hàn, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc) đảm bảo tiến độ ban hành theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng mới. Chương trình ngoại ngữ phổ thông 10 năm (học từ lớp 3 đến lớp 12 (trước mắt là Tiếng Anh) tiếp tục được triển khai. Đến đầu năm học

đưỡng chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ các cấp học và trình độ đào tạo, đặc biệt là đội ngũ giáo viên ngoại ngữ phổ thông đáp ứng yêu cầu cũng được coi trọng và tiếp tục thực hiện. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao 10 cơ sở giáo dục có nhiều kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ phối hợp với các địa phương triển khai nhiệm vụ bồi dưỡng cho 5.940 giáo viên phổ thông²⁰; hướng dẫn các đơn vị lựa chọn những nội dung hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ, giảng viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ tại các trường đại học, cao đẳng.

Tại nhiều địa phương, việc tổ chức đánh giá năng lực tiếng Anh đã được thực hiện với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và triển khai phần tự luận trong các bài kiểm tra viết đối với học sinh học chương trình tiếng Anh hệ 10 năm; các địa phương cũng phối hợp với tổ chức, cá nhân, giáo viên nước ngoài tham gia dạy ngoại ngữ ở các trường phổ thông. Một số địa phương đã tổ chức các hoạt động đề nâng cao chất lượng dạy, học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh thông qua việc đánh giá năng lực đầu ra bậc 2 đối với học sinh lớp 9; bậc 3 đối với học sinh lớp 12; thí điểm dạy một số môn khoa học tự nhiên (Toán, Vật lý) bằng tiếng Anh ở một số cơ sở giáo dục phổ thông. Nhiều trường đại học, cao đẳng đã công bố chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhiều hoạt động xây dựng môi trường sử dụng ngoại ngữ như các cuộc thi Olympic tiếng Anh, các câu lạc bộ ngoại ngữ, các sân chơi chuyên môn... diễn ra đa dạng và thu hút sự quan tâm của giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên các nhà trường.

8. Đánh giá toàn diện, có giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc triển khai mô hình trường học mới

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo nghiên cứu, vận dụng một số phương pháp, hình thức dạy học tiên tiến của thế giới vào các cấp học phổ thông trong đó có mô hình trường học mới (mô hình VNEN, một phương thức dạy học lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm). Dự án triển khai từ 2012 và đã tổng kết vào tháng 5 năm 2016.

Mô hình trường học mới (VNEN) đã được Ngân hàng thế giới và Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam tiến hành nghiên cứu đánh giá tác động và công bố năm 2017 cho thấy: Thực chất là một phương thức dạy học mới, theo hướng tổ chức cho học sinh tự học, tự chủ, tự quản; chuyển từ việc truyền thụ kiến thức của giáo viên sang việc tổ chức, hướng dẫn học sinh cách học; lấy hoạt động học sinh làm trung tâm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người

2017 - 2018, số học sinh phổ thông học theo chương trình là 4.889.866 em. So với năm học 2016-2017 số học sinh tăng đáng kể (tăng thêm 799.350 em).

²⁰ So với năm học 2016 - 2017, tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn về năng lực ngoại ngữ tăng từ 53% lên 69%, trong đó tỷ lệ giáo viên tiểu học và THCS tăng từ 67% lên 71%, giáo viên THPT tăng từ 52% lên 59%.

học, đáp ứng định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh. Trên cơ sở các đánh giá, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các sở giáo dục và đào tạo²¹:

- Chỉ đạo các phòng giáo dục và đào tạo, các trường tiểu học và trung học cơ sở rà soát, đánh giá tình hình triển khai mô hình VNEN tại địa phương; xây dựng kế hoạch triển khai mô hình VNEN tại địa phương từ năm học 2017-2018, bảo đảm đủ điều kiện thì mới thực hiện trên tinh thần bảo đảm quyền lợi của học sinh; có thể lựa chọn các thành tố tích cực của mô hình để thực hiện.

- Tổ chức tốt công tác truyền thông; tăng cường tập huấn giáo viên, cán bộ quản lý; khai thác dữ liệu, tài liệu trên trang mạng “trường học kết nối” để hỗ trợ giáo viên, cán bộ quản lý trong công tác giáo dục; chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ việc áp dụng mô hình.

Năm học 2017-2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập Hội đồng thẩm định tổng thể bộ tài liệu hướng dẫn dạy học theo mô hình VNEN để chỉnh sửa, hoàn thiện tài liệu cho phù hợp hơn với thực tiễn triển khai tại địa phương. Bên cạnh đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên đối với các địa phương có nhu cầu nhằm cung cấp, trang bị cho cán bộ quản lý, giáo viên những kỹ năng cần thiết để áp dụng mô hình VNEN trong thực tiễn dạy học.

9. Tăng cường quản lý chặt chẽ việc dạy thêm, học thêm

Thực tế, việc dạy thêm học thêm là nhu cầu có thực, xuất phát từ nguyện vọng của học sinh, gia đình học sinh, không chỉ riêng Việt Nam mà còn có ở nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, ở một số nơi, nhất là ở các thành phố lớn, các thị trấn, thị xã tình trạng dạy thêm học thêm trái quy định vẫn chưa được khắc phục, gây bức xúc trong xã hội.

Để khắc phục tình trạng này, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang triển khai một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 quy định về dạy thêm học thêm.

- Rà soát, điều chỉnh nội dung chương trình giáo dục phổ thông theo hướng giảm tải nội dung các môn văn hóa; tăng thêm giờ học và hoạt động giáo dục thể chất, hoạt động trải nghiệm; giao quyền chủ động, hướng dẫn nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học và thực hiện chương trình giáo dục một cách linh hoạt.

- Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường, đổi mới thi, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực của học sinh như đánh giá học sinh tiểu học; đổi mới từng bước cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông; đổi mới công tác tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông...

²¹ Công văn số 4068/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 8 năm 2016 và Công văn số 3459/BGDĐT-GDTrH ngày 08 tháng 8 năm 2017.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tăng cường quản lý giáo viên trong việc thực hiện chương trình dạy học, thực hiện quy định dạy thêm học thêm, nghiêm cấm cắt xén chương trình đưa vào dạy thêm hoặc ép buộc học sinh học thêm dưới bất kỳ hình thức nào.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra tại một số địa phương, nhất là các địa phương thường xảy ra tình trạng dạy thêm học thêm trái quy định; yêu cầu địa phương tăng cường giám sát, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng chương trình giáo dục phổ thông mới theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và định hướng nghề nghiệp; tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tạo động lực cho người học; khuyến khích học sinh tự học ở nhà; rèn kỹ năng sống cho học sinh, tránh việc ép buộc học sinh phải học thêm.

10. Rà soát quy hoạch mạng lưới giáo dục đại học trên cơ sở kiểm định chất lượng đào tạo, phân tầng, xếp hạng, cơ cấu đào tạo

Sự phát triển của mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trong những năm qua đã mở rộng cơ hội học tập cho người học; tuy nhiên, quá trình này đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập là: Đầu tư cho các điều kiện đảm bảo chất lượng không tương xứng với sự gia tăng về số lượng các cơ sở giáo dục đại học; công tác quản lý quy hoạch chưa tốt, chưa chú trọng sử dụng các công cụ quản lý chất lượng, thiếu sự kiểm tra, giám sát việc triển khai quy hoạch; đào tạo chưa bám sát nhu cầu thị trường lao động nhất là khi Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang định hình lại những lĩnh vực đào tạo mũi nhọn và những kỹ năng thiết yếu nhất của người lao động trong thập kỷ tới.

Nhằm rà soát, hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đề xuất sửa đổi, bổ sung nội dung về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học (Điều 11) để đảm bảo phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII và Luật Quy hoạch. Trong đó chú trọng sử dụng các công cụ quản lý chất lượng để điều chỉnh và hoàn thiện mạng lưới, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu của toàn hệ thống giáo dục đại học trong giai đoạn tới.

Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã rà soát và đang hoàn thiện quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học theo định hướng của Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đề xuất một bộ quy chuẩn cơ sở giáo dục đại học làm công cụ để chuẩn hoá, phân hạng và sắp xếp các cơ sở giáo dục đại học theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả đầu tư, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; triển khai thực hiện Quyết định số 995/QĐ-TTg ban hành ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó bao gồm quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học và sự phạm do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng.

Cùng với việc hoàn thiện hành lang pháp lý về quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động nhằm tăng cường quản lý quy hoạch mạng lưới và gắn kết đào tạo với nhu cầu xã hội như: Định kỳ công khai minh bạch kết quả kiểm định chất lượng trên Cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo; rà soát các quy định về xác định chỉ tiêu tuyển sinh và yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học rà soát, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, làm căn cứ cho việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh; yêu cầu các cơ sở báo cáo tỷ lệ sinh viên ra trường có việc làm nhằm đề cao yêu cầu đào tạo gắn với nhu cầu của thị trường lao động và làm cơ sở cho việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh.

Để có định hướng, cơ sở cho việc phát triển hệ thống giáo dục đại học của nước ta trong dài hạn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang phối hợp với Ngân hàng Thế giới triển khai xây dựng Chiến lược tổng thể phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035; hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, trình Quốc hội xem xét thông qua tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XIV.

11. Thực hiện đồng bộ các giải pháp hướng đến mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã và đang có nhiều giải pháp siết chặt quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cụ thể như sau:

a) Xây dựng thể chế quản lý thông qua việc ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản để thống nhất quản lý chất lượng. Trong đó, đặc biệt là: (i) Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân²² khắc phục được một số bất cập như: phân mảnh trong quản lý, chồng chéo trong chức năng của các đơn vị tham gia giáo dục, đào tạo cùng một bậc học hoặc cấp độ đào tạo, trùng lặp trong cơ cấu hệ thống ở trình độ trung cấp và cao đẳng, thiếu cơ chế liên thông và khả năng phân luồng kém; (ii) Khung trình độ quốc gia Việt Nam²³ với cấu trúc 8 bậc phù hợp với cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và tham chiếu khung năng lực ASEAN, góp phần đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, làm căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, công nhận và miễn trừ kinh nghiệm học tập, lao động để thúc đẩy việc học tập suốt đời của người dân; (iii) Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ với những yêu cầu về ngoại ngữ và công bố khoa học quốc tế được coi là bước đột phá để chất lượng đào tạo trình độ tiến sĩ của Việt Nam dần tiệm cận chuẩn quốc tế; (iv) Sửa đổi Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng sư phạm hệ chính quy nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh sư phạm...

Ban hành một số văn bản khác để nâng cao chất lượng giáo dục đại học như: Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học; Quy chế về liên kết đào

²² Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân.

²³ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung trình độ quốc gia.

tạo trình độ đại học; Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ; Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học.

Trình Chính phủ dự thảo Nghị định quy định cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập; Chính phủ đã trình Quốc hội dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học để nâng cao chất lượng đào tạo trong toàn hệ thống.

b) Rà soát quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trong đó có quy hoạch mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo viên; đánh giá thực trạng chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên; triển khai hiệu quả Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025; tăng cường phân cấp, giao quyền chủ động cho các cơ sở đào tạo²⁴; hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh thông qua việc ký kết và triển khai hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận hợp tác về giáo dục đào tạo; công tác kiểm định chất lượng giáo dục được chú trọng; công tác khảo thí được thực hiện theo hướng bảo đảm khách quan, trung thực; đổi mới phương thức xác định chỉ tiêu tuyển sinh, quy định về tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên năm 2018 đảm bảo hiệu quả, tạo điều kiện tối đa cho thí sinh. Từng bước siết chặt chất lượng đào tạo theo hướng quản lý chất lượng đầu ra, tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; công tác đào tạo sau đại học được chấn chỉnh.

c) Chỉ đạo các trường đổi mới công tác xây dựng chương trình đào tạo, trong đó có sự tham gia của các nhà quản lý, các nhà sử dụng lao động; xây dựng và công bố chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo; chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp để gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước; yêu cầu các cơ sở giáo dục đại học báo cáo tỷ lệ việc làm của sinh viên hàng năm, làm cơ sở định hướng cho một số hoạt động quản lý giáo dục như: phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh, mở ngành đào tạo, điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, kiểm định chất lượng giáo dục; chỉ đạo triển khai chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học triển khai 35 chương trình tiên tiến ở 23 cơ sở đào tạo; 16 chương trình kỹ sư chất lượng cao ở 04 cơ sở và 56 chương trình chất lượng cao ở các cơ sở khác.

d) Công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học đã được tăng cường, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã thành lập và cho phép thành lập và cấp phép 05 Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục²⁵. Đến thời điểm ngày 31 tháng 8 năm 2018:

²⁴ Ngoài 5 đại học lớn đang được tự chủ ở mức độ cao, số trường đại học được thực hiện tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP được nâng lên 23 trường và được tự chủ toàn diện hơn.

²⁵ Có 04 Trung tâm do Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập và 01 Trung tâm được Bộ cho phép thành lập.

- Theo tiêu chuẩn trong nước: cả nước có 218 trường đại học, 33 trường cao đẳng sư phạm hoàn thành tự đánh giá; 124 trường đại học, 03 trường cao đẳng sư phạm đã được đánh giá ngoài; 120 cơ sở đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (117 trường đại học và 03 trường cao đẳng sư phạm); 10 chương trình đào tạo được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng²⁶.

- Theo tiêu chuẩn của khu vực và quốc tế: 06 trường đại học đã được đánh giá ngoài và được công nhận theo tiêu chuẩn đánh giá cơ sở giáo dục của Hội đồng Cấp cao về Đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp (HCERES) và Mạng lưới đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA); trong đó, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh được cả 2 tổ chức trên công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Có 107 chương trình đào tạo của 22 trường đại học đã được đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng theo các tiêu chuẩn của của khu vực và quốc tế²⁷.

Nâng cao vị thế các trường đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng Châu Á. Số trường đại học Việt Nam đã có tên trong bảng xếp hạng top 400 trường của khu vực Châu Á ngày càng tăng. Trước năm 2016, chỉ có 2-3 trường đại học của Việt Nam được vào danh sách các trường đại học hàng đầu Châu Á (do tổ chức xếp hạng Quacquarelli Symonds (QS) đánh giá). Đến năm học 2017-2018 đã có thêm một số cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam có tên trong các bảng xếp hạng quốc tế khác nhau với thứ hạng cũng dần được cải thiện²⁸. Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học đã nỗ lực vượt bậc để được xếp hạng quốc tế²⁹, cho thấy có chuyển biến tích cực về chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong các trường đại học của Việt Nam.

đ) Chỉ đạo rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo như: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thư viện, học liệu... Những cơ sở không đủ điều kiện đều phải dừng tuyển sinh/thu hồi quyết định cho phép mở ngành/chuyên ngành đào tạo.

e) Kết quả hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần khẳng định uy tín và thứ hạng cao của các cơ sở giáo dục đại học trong khu vực và quốc tế. Nhiều cơ sở đào tạo và giảng viên đã chú trọng đến việc công bố các công trình khoa học trên các tạp chí uy tín quốc tế đặc biệt là các tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI, Scopus. Theo Web of Science thống kê trong năm 2017, nước ta có 6.046 bài báo công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ISI, tăng 645

²⁶ <http://www.moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=5585>

²⁷ <http://www.moet.gov.vn/giaoducquocdan/khao-thi-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc/Pages/Default.aspx?ItemID=5587>

²⁸ 6 trường đại học được Tổ chức University Ranking by Academic Performance (URAP) xếp hạng (Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); 05 trường đại học được QS University Rankings xếp hạng (Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Huế, Trường Đại học Cần Thơ); 16 cơ sở giáo dục đại học được xếp hạng trong Webometric đánh giá theo tiêu chuẩn CSIC.

²⁹ Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh được vào nhóm 1000 trường tốt nhất trên thế giới.

bài so với năm 2016. Để có được số lượng bài báo quốc tế này, các cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò rất lớn. Chỉ riêng các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2017 đã có 1.378 bài báo thuộc danh mục ISI.

g) Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2030”. Đề án tập trung giải quyết một số vấn đề như: Xây dựng và triển khai hệ thống dự báo cung - cầu nguồn nhân lực trình độ đại học; đẩy mạnh thực hiện tự chủ, đổi mới quản trị giáo dục đại học; tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; đổi mới cơ chế tài chính; đổi mới quản lý đào tạo, chương trình, phương pháp đào tạo; đẩy mạnh công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh quốc tế hóa giáo dục đại học; xây dựng cơ chế chính sách tạo nguồn lực, động lực và môi trường cạnh tranh lành mạnh trong phát triển giáo dục đại học.

h) Thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ chỉ đạo các cơ sở đào tạo nhân rộng các chương trình đào tạo (chương trình tiên tiến, chương trình kỹ sư chất lượng cao, chương trình chất lượng cao) được các chuyên gia đánh giá tốt và sinh viên phản hồi tích cực.

Tăng cường công tác kiểm định chất lượng giáo dục đại học, chú trọng kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo giáo dục đại học, phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 2020, 100% các cơ sở giáo dục đại học hoàn thành việc kiểm định chất lượng giáo dục. Phát triển không gian giáo dục Việt Nam, kết nối với ASEAN và thế giới như xây dựng cơ chế kết nối, chia sẻ tài nguyên và hợp tác giữa các trường đại học trong nước theo từng nhóm ngành; tăng cường hợp tác quốc tế, trao đổi giảng viên với các nước trong khu vực và trên thế giới; xây dựng cơ chế thu hút giảng viên nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước. Xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

12. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, thực hiện hiệu quả chính sách cử tuyển đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, gắn đào tạo với nhu cầu và bố trí việc làm tại địa phương

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đánh giá thực trạng việc thực hiện chế độ cử tuyển, trình Chính phủ; tổng hợp kết quả thực hiện chính sách cử tuyển theo các tiêu chí quy định tại Nghị định số 134/2006/NĐ-CP và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2006/NĐ-CP về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuy nhiên, việc bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển gặp nhiều khó khăn³⁰ do hình thức tuyển dụng cán bộ công chức, viên chức đã có nhiều thay đổi theo quy định Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức được cụ thể hóa tại Nghị định số 24/2010/NQ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 29/2012/NQ-CP ngày 12 tháng 04 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó sửa đổi quy định về việc thực hiện chính sách cử tuyển trong giáo dục và đào tạo, theo hướng: Nhà nước dành riêng chỉ tiêu cử tuyển đối với các dân tộc thiểu số rất ít và các dân tộc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn chưa có hoặc có ít người có trình độ đại học; có chính sách tạo nguồn tuyển sinh trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi để học sinh các dân tộc này vào học trường phổ thông dân tộc nội trú và tăng thời gian học dự bị đại học. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ vào nhu cầu của địa phương, có trách nhiệm đề xuất chỉ tiêu cử tuyển, phân bổ chỉ tiêu cử tuyển theo ngành nghề phù hợp, cử người đi học cử tuyển theo đúng chỉ tiêu được duyệt và tiêu chuẩn quy định. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm hỗ trợ cho người đi học theo chế độ cử tuyển để bảo đảm chất lượng đầu ra. Người được cử đi học theo chế độ cử tuyển được ưu tiên trong tuyển dụng công chức, viên chức. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn và đối tượng được hưởng chế độ cử tuyển, việc tổ chức thực hiện chế độ cử tuyển, việc tuyển dụng người học theo chế độ cử tuyển sau khi tốt nghiệp.

13. Nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm tại địa phương cho sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi là người dân tộc thiểu số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành nghiên cứu, khảo sát đánh giá thực trạng, tổng hợp các vấn đề liên quan để tìm hiểu nguyên nhân của tồn tại hạn chế trong hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm cho sinh viên và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập về số lượng cán bộ người dân tộc thiểu số ít so với tỷ lệ dân số, trình độ còn thấp so với mặt bằng chung dẫn đến năng lực bị hạn chế so với yêu cầu, nhiệm vụ. Mặt khác, đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số chưa cân đối cả về cơ cấu giới tính, cơ cấu giữa các dân tộc và cơ cấu theo lĩnh vực công tác; mâu thuẫn giữa tăng cường số lượng và đảm bảo chất lượng, giữa nhu cầu đòi hỏi chất lượng nguồn cán bộ cao so với khả năng tiềm lực để thu hút có giới hạn, giữa sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ và nguồn cán bộ từ nơi khác đến, giữa đào tạo và sử dụng cán bộ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, trong đó có nguyên nhân từ việc thiếu chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài còn

³⁰ Giai đoạn 2010-2017, số sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng theo chế độ cử tuyển là 3.774 người, trong đó chỉ có 2.202 người được bố trí việc làm (chiếm tỷ lệ gần 60%).

dàn trải, nhiều chính sách chưa phù hợp, chưa tạo môi trường tốt để cán bộ phát huy khả năng; chính sách thu hút, giải quyết việc làm tại địa phương nên không đủ sức hấp dẫn sinh viên tốt nghiệp đại học loại khá, giỏi người dân tộc thiểu số về công tác tại địa phương vùng dân tộc thiểu số, miền núi. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới chất lượng nguồn nhân lực của địa phương chuyển biến chậm, việc phát triển nguồn nhân lực tại địa phương chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Thời gian tới, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiếp tục rà soát, tổng kết, đánh giá thực trạng, vướng mắc trong triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân tài, giải quyết việc làm tại địa phương cho sinh viên tốt nghiệp loại khá, giỏi là người dân tộc thiểu số; từ đó nghiên cứu, đề ra giải pháp thích hợp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dân tộc thiểu số.

Trên đây là báo cáo cập nhật, bổ sung việc thực hiện Nghị quyết số 33/2016/QH14 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- TTgCP, các PTTgCP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- VPQH: HC (5b), PVHDGS;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký của TTg và các PTTg, các Vụ, Cục: KGVX, KSTT, Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, QHĐP (2b).NQ 4b

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**



Phùng Xuân Nhạ